

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuấn
2. Ông Dương Văn Bản

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Huyền, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2024/TLPT-HS ngày 06/5/2024 do có kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Thái và Lê Văn Vũ đối với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HSST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Thị T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 25/5/1978; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Xóm N, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và con bà Nguyễn Thị D; chồng là: Lưu Quang C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 130/QĐ-XPVPHC ngày 13/11/2023 Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Làm chủ lô đề, mức phạt 20.000.000 đồng (vào các ngày 19, 20, 21, 22, 27, 30/7 và 01, 02/8/2023)

Bị cáo tại ngoại (Không bị tạm giữ, tạm giam). (Có mặt).

2. Lê Văn V, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16/6/1992; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Xóm N, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quảng B và con bà Hoàng Thị M; chưa có vợ, con; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 13/HSST ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”; phạt bổ sung 10 triệu đồng. Chưa thi hành tiền phạt bổ sung và án phí. (Phạm tội mới ngày 03/8/2023).

Nhân thân: Ngày 26/10/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội “Đánh bạc” xảy ra ngày 30,31/7 và 01/8/2023.

Bị cáo tại ngoại (không bị tạm giữ, tạm giam) - (Có mặt).

Trong vụ án còn có 01 bị cáo là Nguyễn Thế C1 không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 00 phút ngày 03/8/2023, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Phổ Yên đang làm nhiệm vụ thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân phản ánh ở tại nhà Trần Thị T, sinh năm 1978, thuộc xóm N, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên đang có hoạt động đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề. Tổ công tác đến địa điểm trên kiểm tra thì thấy Trần Thị T đang ở nhà và khai nhận với tổ công tác vừa có hành vi sử dụng điện thoại di động của T có số thuê bao 0963.906.480 vào tài khoản Zalo mang tên “Thái C2” nhắn tin đến số thuê bao 0395.663.020 có tài khoản Z là “Lê V” là người cùng xóm với T để mua số lô, số đề. Khi T vừa nhắn tin xong và được tài khoản Zalo “Lê V” đồng ý thì bị tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố P phát hiện lập biên bản sự việc, T đã tự nguyện giao nộp cho tổ công tác 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A12e, có số imei 1: 860811048653231 và số imei 2: 860811048653223 lắp 01 sim số 0963.906.480 để phục vụ công tác điều tra. Trong quá trình làm việc, T còn khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 19/7/2023 đến ngày 02/8/2023 T nhiều lần sử dụng điện thoại của T để nhắn tin bán số lô, số đề cho Nguyễn Thế C1, sinh năm 1967, trú tại Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa thông qua khoản Zalo có tên “Minh C3” được T lưu trong máy điện thoại là “Anh C3 làm Đ” để tự trả thưởng. Quá trình làm việc V và C3 đã thừa nhận có hành vi mua, bán số lô, số đề với Trần Thị T đồng thời V tự giác giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno3 có số imei 1: 860202045643070 và số imei 2: 860202045643062 lắp 02 sim có số thuê bao: 0375.686.336 và 0395.663.020; C3 tự giác giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 có số imei 1: 3520.451.39654270 và số imei 2: 352045139471949 để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 04/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A12e tạm giữ của Trần Thị T, phát hiện tại ứng dụng Zalo của T có tên “Thái Chung” đăng nhập bằng số điện thoại di động 0963.906.480 có nhiều tin nhắn đến từ khoản Zalo có tên “Minh C3” được T lưu trong máy là “Anh C3 làm Đ” có nhiều nội dung liên quan đến việc

mua, bán số lô, số đề; kiểm tra chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno3 tạm giữ của Lê Văn V, phát hiện tại ứng dụng Zalo của V có tin nhắn đến từ tài khoản Z “Thái Chung” là tài khoản Zalo của Trần Thị T nhắn đến tài khoản Z “Lê V” để mua số lô, số đề của V; kiểm tra chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 tạm giữ của Nguyễn Thế C1, phát hiện tại ứng dụng Zalo đăng nhập tài khoản Zalo mang tên “Minh C3” là tài khoản của Nguyễn Thế C1 có số sim 0978.890.166 theo C1 khai sau khi biết T bị Công an triệu tập C1 đã xóa hết các nội dung trong tin nhắn điện thoại đi để tránh bị phát hiện.

Tại Cơ quan điều tra T và V khai nhận vào ngày 03/8/2023, T và V có sử dụng điện thoại di động vào tài khoản Zalo mang tên “Thái Chung” được đăng nhập bằng số điện thoại di động 0963.906.480 sau đó nhắn tin đến tài khoản Zalo của Lê Văn V mang tên “Lê V” được đăng nhập bằng số điện thoại di động 0395.663.020 để mua số lô 48, 49 mỗi số 15 điểm, số đề 83 là 50.000 đồng của V, hết tổng số tiền là 705.000 đồng, khi V vừa nhắn tin cho T đồng ý mua thì bị Công an phát hiện, khi đó chưa có kết quả xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng trong ngày. Việc mua, bán số lô, số đề giữa T và V quy ước như sau: Số lô được tính là 02 (hai) số cuối của 27 giải trong kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hàng ngày, cứ một điểm lô T phải trả cho V số tiền 22.000 đồng, nếu trúng thưởng thì một điểm lô V phải trả cho T số tiền là 80.000 đồng. Số đề được tính là 02 (hai) số cuối của giải đặc biệt trong kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hàng ngày, đối với số đề T chỉ phải trả cho V 90% trên tổng số tiền đã mua số đề, nếu trúng thưởng thì V phải trả cho T gấp 80 lần số tiền đã bỏ ra mua.

Tại Cơ quan điều tra T và C1 khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 19/7/2023 đến ngày 02/8/2023 T đã nhiều lần bán số lô, số đề cho C1 để tự trả thưởng cụ thể:

- Ngày 19/7/2023 T bán cho C1 số đề 85 là 500.000 đồng; số đề ba càng 185 là 200.000 đồng; số lô 75 là 20 điểm, số lô 58 là 30 điểm; số lô xiên 2: 75 x 58 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho C1 là 1.980.000 đồng, cuối ngày C1 trúng thưởng số lô 75 được 1.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và C1 đã đánh bạc với nhau dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 19/7/2023 là: 1.980.000 đồng + 1.600.000 đồng = 3.580.000 đồng.

- Ngày 20/7/2023 T bán cho C1 các số đề 73, 74, 85 mỗi số là 100.000 đồng; các số lô 49, 76 mỗi số là 20 điểm; số lô xiên 2: 49 x 76 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho C1 trong ngày 20/7/2023 là: 1.375.000 đồng, cuối ngày C1 không trúng thưởng.

- Ngày 21/7/2023 T bán cho C1 số đề 78, 98 mỗi số là 100.000 đồng; số lô 07, 73 mỗi số là 20 điểm. Tổng số tiền T bán cho C1 số lô, số đề trong ngày 21/7/2023 là: 1.090.000 đồng, cuối ngày C1 không trúng thưởng.

- Ngày 22/7/2023 T bán cho C1 số đề 17 là 200.000 đồng, số đề 71 là 100.000 đồng; số lô 84 là 50 điểm; số lô xiên 2: 51 x 84 là 100.000 đồng. Tổng số

tiền T bán cho C1 số lô, số đề trong ngày 22/7/2023 là: 1.505.000 đồng, cuối ngày C1 không trúng thưởng.

- Ngày 26/7/2023 T bán cho C1 số đề 45 là 100.000 đồng; số đề 54 là 300.000 đồng; số đề ba càng 854 là 100.000 đồng; số lô 24, 42 mỗi số là 50 điểm; số lô xiên 2: 24 x 59 là 200.000 đồng; số lô xiên 2: 42 x 59 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T bán cho C1 số lô, số đề trong ngày 26/7/2023 là: 3.105.000 đồng, cuối ngày C1 trúng thưởng số lô 24 và số lô xiên 24 x 59 với tổng số tiền là 5.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và C1 đã đánh bạc với nhau dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 26/7/2023 là: 3.105.000 đồng + 5.600.000 đồng = 8.705.000 đồng.

- Ngày 27/7/2023 T bán cho C1 số đề 24 là 200.000 đồng; số lô 18 là 50 điểm; số lô 61 là 50 điểm; số lô xiên 2: 18 x 61 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho C1 trong ngày 27/7/2023 là: 2.630.000 đồng, cuối ngày C1 không trúng thưởng.

- Ngày 28/7/2023 T bán cho C1 số đề 18, 78 mỗi số là 100.000 đồng; số lô 23, 78 mỗi số là 50 điểm; số lô xiên 2: 23 x 78 là 300.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho C1 trong ngày 28/7/2023 là: 2.725.000 đồng, cuối ngày C1 trúng thưởng số đề 78 được số tiền 4.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và C1 đã đánh bạc với nhau dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 28/7/2023 là: 2.725.000 đồng + 4.000.000 đồng = 6.725.000 đồng.

- Ngày 29/7/2023: Thái bán cho C1 số đề 59, 95 mỗi số là 100.000 đồng; số lô 27, 92 mỗi số là 50 điểm; số lô xiên 2: 27 x 92 là 500.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho C1 trong ngày 29/7/2023 là: 2.915.000 đồng, cuối ngày C1 trúng thưởng số lô 92 được số tiền 4.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và C1 đã đánh bạc với nhau dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 29/7/2023 là: 2.915.000 đồng + 4.000.000 đồng = 6.915.000 đồng.

- Ngày 30/7/2023 T bán cho C1 số đề 15, 80 mỗi số là 100.000 đồng; số đề 51 là 200.000 đồng; số đề ba càng 751 là 100.000 đồng; số lô 19, 59 mỗi số là 50 điểm; số lô xiên 2: 19 x 59 là 300.00 đồng; số lô xiên 3: 19 x 59 x 90 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T bán cho C1 số lô, số đề trong ngày 30/7/2023 là: 3.200.000 đồng, cuối ngày C1 không trúng thưởng.

- Ngày 31/7/2023 T bán cho C1 số đề 51 là 200.000 đồng; số lô 67, 76 mỗi số 50 điểm; số lô xiên 2: 42 x 67 là 200.000 đồng; số lô xiên 2: 42 x 76 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho C1 trong ngày 31/7/2023 là 2.820.000 đồng, cuối ngày C1 trúng thưởng số lô 67 và 76 được tổng số tiền 8.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và C1 đã đánh bạc với nhau dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 31/7/2023 là: 2.820.000 đồng + 8.000.000 đồng = 10.820.000 đồng.

- Ngày 01/8/2023 T bán cho C1 số đề 21 là 200.000 đồng; số lô 14 là 30 điểm; số lô 74 là 20 điểm; số lô xiên 2: 14 x 74 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T đã bán số lô, số đề cho C1 trong ngày 01/8/2023 là 1.505.000 đồng, cuối ngày C1

trúng thưởng số lô 74 được số tiền 1.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T và C1 đã đánh bạc với nhau dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 01/8/2023 là: 1.505.000 đồng + 1.600.000 đồng=3.105.000 đồng.

- Ngày 02/8/2023 T đã bán cho C1 số đề 04 là 300.000 đồng; số đề 40, 34 mỗi số là 100.000 đồng; số lô 26, 30 mỗi số là 50 điểm; số lô xiên 2: 26 x 30 là 300.000 đồng; số lô xiên 3: 26 x 30 x 94 là 200.000 đồng. Tổng số tiền T đã đánh bạc với C1 dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 02/8/2023 là: 3.200.000 đồng, cuối ngày C1 không trúng thưởng.

Giữa T và C1 có quy ước với nhau về hình thức đánh bạc như sau: Cứ một điểm lô C1 phải trả cho T số tiền 22.500 đồng, nếu trúng thưởng thì T phải trả cho C1 số tiền 80.000 đồng/ một điểm lô. Đối với số đề và số lô xiên C1 chỉ phải trả cho T 95% trên tổng số tiền đã mua số đề và số lô xiên, nếu trúng thưởng thì T phải trả số tiền gấp 80 lần, các số lô, số đề T bán cho C1, tất cả các số lô, số đề T bán cho C1 thì đều được T giữ lại để tự trả thưởng.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A12e; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno3; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone12.

Tại bản án số 52/2024/HSST ngày 26/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Thị T và Lê Văn V phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đồng.

- Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và mức hình phạt đối với bị Nguyễn Thế C1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/4/2024 bị cáo T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 03/4/2024 bị cáo V kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo T có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do ốm, đơn không có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền; bị cáo Lê Văn V vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt các bị cáo T và V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo T, V làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo T và V vắng mặt. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã mở phiên tòa nhiều lần, đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đối với các bị cáo. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Trần Thị T và Lê Văn V.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của các bị cáo khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vào các ngày 26/7/2023, 28/7/2023, 29/7/2023, 31/7/2023 Trần Thị T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với Nguyễn Thế C1. Cụ thể: Tổng số tiền Trần Thị T và Nguyễn Thế C1 đánh bạc ngày 26/7/2023 là 8.705.000 đồng, ngày 28/7/2023 là 6.725.000 đồng, ngày 29/7/2023 là 6.915.000 đồng, ngày 31/7/2023 là 10.820.000 đồng.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 03/8/2023, Trần Thị T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với Lê Văn V, số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 705.000 đồng. Khi T vừa mua số lô, số đề của Lê Văn V với số tiền 705.000 đồng thì bị tổ công tác Công an thành phố P phát hiện thu giữ cùng vật chứng.

Tuy số tiền bị cáo V đánh bạc với bị cáo T trong ngày 03/8/2023 dưới 5.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử các bị cáo Trần Thị T và Lê Văn V phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo T; xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Bị cáo T tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo đánh bạc nhiều lần, tổng số tiền bị cáo T đánh bạc là 33.870.000 đồng, ngoài ra bị cáo còn bị xử phạt

vi phạm hành chính về hành vi: Làm chủ lô đề. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo T 12 tháng tù là đã xem xét. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

[3.2]. Bị cáo V có nhân thân rất xấu, đã từng bị xét xử về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích (đã được sử dụng làm tình tiết định tội), nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội cùng tính chất. Hơn nữa, bị cáo còn bị Cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên khởi tố vào ngày 26/10/2023 về tội Đánh bạc xảy ra vào ngày 30, 31/7 và 01/8/2023 trong vụ án khác. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo V 09 tháng tù là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị cáo V không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T và Lê Văn V. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn V 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo T, V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- TAND thành phố Phổ Yên;
- Công an thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Nhài